

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST

Ngày: 25 – 7 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Minh.
- Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số X-Y, đường N, Phường Z, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Lưu Văn H, sinh năm 1969; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền, số 1185/2020/GUQ-PL ngày 07/5/2020).

Địa chỉ: Số Q, đường N, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông Lưu Văn H: Anh Phan Quốc T, sinh năm 1988; chức vụ: Phó Phòng giao dịch huyện T là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền, số 228/GUQ-CNĐT ngày 07/7/2020).

Địa chỉ: Quốc lộ XX, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Minh P, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Số 492, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Anh Phan Quốc T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; anh Huỳnh Minh P là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 17/9/2018, Ngân hàng và anh Huỳnh Minh P đã ký kết hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T (nay là Phòng giao dịch T – Chi nhánh Đ) theo Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng giấy nhận nợ, số: LD1826000333.

Theo Hợp đồng, anh P vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) lãi suất 1,0%/tháng (12%/năm); thời hạn vay vốn: 24 tháng; phương thức vay: Trung hạn từng lần; mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng; kỳ trả lãi: Trả định kỳ hàng tháng vào ngày 17 dương lịch; phương thức trả nợ: Vốn, lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ ban đầu (số tiền trả nợ các kỳ đầu 1.033.000 đồng, kỳ cuối trả 1.041.000 đồng).

Tính đến ngày 25/7/2022, anh Huỳnh Minh P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn là 5.006.000 đồng và tiền lãi là 8.773.000 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 5.733.333 đồng, lãi quá hạn là 3.039.666 đồng), tổng cộng vốn và lãi là 13.779.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do, anh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn vào ngày 24/3/2020.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Huỳnh Minh P trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 5.006.000 đồng và tiền lãi là 8.773.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 13.779.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Bị đơn anh Huỳnh Minh P không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Bản tính tiền lãi vay khách hàng Huỳnh Minh P ngày 07/3/2022 (Bản chính); Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 96/GUQ-CNĐT ngày 16/3/2022 (Bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Bản sao); Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S số 6363/2017/QĐ-NS ngày 25/7/2017 (Bản sao chứng thực); Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 (Bản sao chứng thực); Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm nhân sự số 2205/2020/QĐ-NS ngày 04/5/2020 (Bản sao chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD 1826000333 ngày 19/12/2018 (Bản sao chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Minh P cư trú tại Số 492, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Minh P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phú theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giấy nhận nợ, số: LD1826000333 ngày 17/9/2018.

Xét thấy, khi đạt được sự thỏa thuận, Ngân hàng và anh Huỳnh Minh P đã ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ, số: LD1826000333 ngày 17/9/2018. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Ngân hàng TMCP S được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, anh Huỳnh Minh P có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng và anh P đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và anh P có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu anh Huỳnh Minh P trả cho Ngân hàng tiền vốn là 5.006.000 đồng và tiền lãi là 8.773.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 13.779.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy, sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh P số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Theo thỏa thuận, anh P có trách nhiệm trả tiền nợ vốn cho Ngân hàng theo phương thức: Vốn, lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ ban đầu. Tuy nhiên, anh P không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Hiện nay, anh P còn nợ số tiền vốn là 5.006.000 đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh P không trả đúng theo thỏa thuận. Như vậy, có cơ sở xác định anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh P trả cho

Ngân hàng số tiền vốn còn nợ là 5.006.000 đồng, là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Về lãi suất: Tại Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng giấy nhận nợ, số: LD1826000333 ngày 17/9/2018, giữa Ngân hàng và anh P có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Theo thỏa thuận, anh P có trách nhiệm trả tiền lãi cho Ngân hàng định kỳ hàng tháng vào ngày 17 dương lịch. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh P trả số tiền lãi là 8.773.000 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 5.733.333 đồng, lãi quá hạn là 3.039.666 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, anh Phú phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Huỳnh Minh P trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 5.006.000 đồng và tiền lãi là 8.773.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 13.779.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên anh Huỳnh Minh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Buộc anh Huỳnh Minh P trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn là 5.006.000 đồng và tiền lãi là 8.773.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 13.779.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí:

Buộc anh Huỳnh Minh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 689.000 đồng (Sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 308.000 đồng (Ba trăm lẻ tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số số: 0010122 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Minh Trung